

VUA HÀM NGHI và sứ mệnh Cần Vương

VŨ THÀNH VINH

1. Những năm đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XIX, thực dân Pháp sau khi chiếm hết 6 tỉnh Nam Kỳ (1867), đầu năm 1882 lại kéo quân ra Bắc lần thứ hai với dã tâm chiếm cho bằng được toàn bộ Việt Nam. Thành Hà Nội bị quân Pháp chiếm vào trưa ngày 25-4-1882, Tổng đốc Hoàng Diệu đã dùng dải lụa treo cổ lên cành cây, sau khi đã bái vọng về phương Nam nhận tội với nhà vua vì không giữ được thành. Sau đó, Pháp tiếp tục cho quân đánh chiếm Hồng Gai (12/3/1883), Quảng Yên (12/3/1883) và Nam Định (27/3/1883). Giữa lúc nước sôi lửa bỏng thì vua Tự Đức mất (19/7/1883), triều đình rơi vào tình trạng rối ren, quan quyền chỉ lo tìm người kế nghiệp. Lợi dụng lúc rối ren, Pháp xua quân tấn công cửa biển Thuận An (18/8/1883), làm áp lực buộc triều đình Huế kí Điều ước Quý Mùi (25/8/1883). Hiệp ước này do cao ủy Cộng hòa Pháp là Harmand thay mặt phía Pháp kí nên còn gọi là Điều ước Harmand. Điều ước này thực chất là một hàng ước. Bằng Điều ước Quý Mùi, triều đình Huế đã đi sâu thêm một bước vào con đường khuất phục đầu hàng Pháp.

Tiếp đó, quân Pháp tiến hành đánh chiếm Sơn Tây (16/12/1883), Bắc Ninh (13/3/1884), Thái Nguyên (19/3/1884), Hưng Hóa (12/4/1884), Tuyên Quang (31/5/1884). Lúc này, Pháp đã có ưu thế gần như quyết định trong quan hệ với triều đình Huế, Vì vậy, chỉ một tuần sau khi thành Tuyên

Quang bị Pháp chiếm, triều đình Huế đã phải kí bản Điều ước ngày 6/6/1884, phía Pháp gọi là Điều ước Patenôtre, còn Việt Nam gọi là Điều ước Giáp Thân. Từ đây, giai cấp phong kiến Việt Nam đã trở thành chỗ dựa của thực dân Pháp và đã mất vai trò trong công cuộc giải phóng dân tộc. Nhà nước phong kiến Việt Nam đã sụp đổ, toàn thể đất Việt Nam đã trở thành đất của chủ

nghĩa đế quốc Pháp, dù tên gọi có khác nhau giữa miền Bắc, miền Trung hay miền Nam.

Với Điều ước 1883 và sau được thay bằng Điều ước 1884, triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng giặc Pháp, chấp nhận chủ quyền của Pháp trên toàn cõi Việt Nam và ra lệnh bãi binh ở Bắc Kỳ. Nhưng tại triều đình Huế và các địa phương vẫn có một số quan lại và sĩ phu không chịu làm việc với Pháp. Có những người mộ quân khởi nghĩa, được nhân dân khắp nơi hưởng ứng. Phong trào tuy chưa lớn mạnh nhưng đó là chỗ dựa cho nhóm chủ chiến ở triều đình.

Đứng đầu nhóm chủ chiến ở triều đình là Tôn Thất Thuyết. Ông thẳng tay trấn áp phía chủ trương đầu hàng, kể cả những ông vua mới được đưa lên ngôi, từ sau khi Tự Đức mất, và gọi thêm một số quan lại chủ chiến khác ở Bắc Kỳ về triều để tăng thêm thế lực, đồng thời ra sức xây dựng sơn phòng ở một số tỉnh, mưu cuộc chiến đấu lâu dài.

Ngày 02/ 7/1885, tướng De Courcy, Tổng Tư lệnh quân Pháp ở Bắc và Trung Kỳ tới



Vua Hàm Nghi (1871 - 1944)

Huế nhằm tiêu diệt Tôn Thất Thuyết và phái chủ chiến. De Courcy trình quốc thư nhưng lại đòi hai đại thần phụ chính sang Tòa Khâm sứ yết kiến. Tôn Thất Thuyết không sang, chỉ có Nguyễn Văn Tường và Phạm Thân Duật tới. De Courcy đòi Tôn Thất Thuyết phải có mặt. Biết rõ âm mưu của giặc, Tôn Thất Thuyết không những không tới mà còn cho binh lính đào hào đắp lũy, bố trí khí giới chuẩn bị chiến đấu. Về phía giặc, chúng đang chuẩn bị một cuộc thị uy quân sự lớn nhân dịp yết kiến vua Hàm Nghi. Trước tình thế bức bách, phái chủ chiến quyết định ra tay trước.

Đêm mồng 4 rạng sáng mồng 5 tháng 7 năm 1885, Tôn Thất Thuyết cùng em trai Tôn Thất Lệ và Đề đốc Trần Xuân Soạn chỉ huy đạo quân Phấn nghĩa bất ngờ tấn công đồn Pháp ở Mang Cá và Tòa Khâm sứ, nơi De Courcy và Tổng trú sứ Champeaux đóng. Bị đánh bất ngờ, địch hốt hoảng, lo cố thủ chờ trời sáng. Đến gần sáng, hỏa lực của triều đình yếu dần, quân Pháp bắt đầu phản công, dìm thành Huế trong lửa máu, Kinh thành thất thủ. Tôn Thất Thuyết hạ lệnh tập hợp quân chức sẵn ở cửa Chương Đức rồi vào cung mời nhà vua và hoàng thái hậu lên kiệu, cùng tam cung rút khỏi hoàng thành ra Quảng Trị, rồi lên Tân Sở, căn cứ kháng chiến đã được chuẩn bị từ trước.

Tại đây, ngày 13/7/1885 đã phát đi cả nước chiếu Cần Vương, kịch liệt tố cáo tội ác của giặc Pháp, thông thiết kêu gọi văn thân, sĩ phu cùng toàn dân đứng lên giúp vua, diệt giặc cứu nước, mở ra phong trào Cần Vương chống Pháp rất quyết liệt. Chiếu Cần Vương ban ra được các sĩ phu và văn thân sôi nổi hưởng ứng, lãnh đạo và tổ chức các cuộc nổi dậy chống Pháp ở các địa phương, tạo thành một phong trào chống Pháp rộng lớn trên cả nước.

Sơn phòng Tân Sở, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, được phe chủ chiến trực tiếp chỉ đạo xây dựng, là nơi có thể trú chân cho cả triều đình khi có biến, ở cách tỉnh lỵ Quảng Trị khoảng 30km về phía tây bắc.

Đoàn xa giá bị quân Pháp đuổi bắt, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi qua Lào, vượt đèo Quy Hợp về sơn phòng Au Sơn thuộc địa phận xã Phú Gia, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, nơi mà Tôn Thất Thuyết định đặt bản doanh của nhà vua.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhân dân và sĩ phu cả nước liên tiếp đứng dậy cầm

vũ khí chống Pháp. Thực dân Pháp vô cùng lúng túng, tìm mọi cách bắt cho được Hàm Nghi, tiêu diệt phong trào từ đầu não. Sau hơn một năm càn đi quét lại khắp khu căn cứ vẫn không bắt được Hàm Nghi, cuối cùng chúng mua chuộc được Trương Quang Ngọc, một hầu cận của vua Hàm Nghi. Chỉ với mấy hộp thuốc phiện, Trương Quang Ngọc đã cùng tay chân bắt vua Hàm Nghi dâng cho Pháp. Hàm Nghi bị bắt tại Khe Tá đêm 1/11/1888, khi ông mới 17 tuổi. Sau những năm tháng hoạt động sôi nổi và cống hiến hết mình cho phong trào Cần Vương, ông đã sa vào tay giặc Pháp. Hàm Nghi bị bắt đã gây nên một tổn thất lớn cho phong trào Cần Vương. Bắt được Hàm Nghi, Pháp đưa ông về Thuận Bài, thuộc huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào chiều 14/11/1888. Thiếu tá Dabat và Trung úy Bonnefoy đem một toán lính từ Huế ra dàn quân cử nhạc chào đón. Ngày 22/11/1888, Pháp đưa vua Hàm Nghi về đến Thuận An. Tại Thuận An, khi Khâm sứ Rê-na (P.Rheinart) và các cơ mật đại thần đến chào thì Hàm Nghi cáo ốm không tiếp. Sau vì nể những người phục vụ hết sức tận tình từ ngày bị bắt, năn nỉ nhiều quá, nhà vua phải tiếp Khâm sứ Rê-na, nhưng tỏ ra lạnh nhạt. Bị bắt, nhà vua không nhận mình là Hàm Nghi, từ chối không gặp họ hàng, người thân. Khi Rê-na cho Hàm Nghi biết Hoàng thái hậu đang ốm và hỏi, nếu Hàm Nghi có muốn thăm thì sẽ cho tàu đón ra, thì Hàm Nghi đáp: "Tôi thân đã tù, nước đã mất, còn dám nghĩ chi đến cha mẹ, anh chị em chi nữa". Không mua chuộc được, thực dân Pháp đẩy vua Hàm Nghi đi an trí ở làng El Biar, một vùng hoang dã trên dãy đồi Mustapha thượng, ngoại ô thành phố Alger, nước Algérie thuộc Pháp.

Hàm Nghi đã trở thành linh hồn, là biểu tượng của phong trào Cần Vương. Sĩ phu và nhân dân tin tưởng vào ông, hăng hái hưởng ứng chiếu Cần Vương. Nhiều tấm gương trung thành đã xuất hiện cùng với hàng loạt thơ ca đã ra đời trong phong trào này. Việc Hàm Nghi rơi vào tay giặc đã ảnh hưởng nhiều đến tinh thần chiến đấu của quân sĩ. Mục tiêu "Cần Vương" không còn nữa nhưng phong trào chống Pháp thì vẫn không suy giảm. Người ta gọi giai đoạn này là "Phong trào Văn Thân". So với giai đoạn Cần Vương, giai đoạn Văn Thân có phần thu hẹp về bề rộng nhưng phát triển về chiều sâu. Những cuộc khởi nghĩa đều

Nghiên cứu - Trao đổi

có quy mô lớn, trình độ tổ chức cao, địa bàn hoạt động rộng và đã biết dựa vào sức mạnh của nhân dân. Nổi bật nhất là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Cuộc khởi nghĩa được tổ chức khá quy củ, có sự chỉ huy thống nhất và phối hợp hành động, nên phong trào đã tồn tại được hơn 10 năm, khiến thực dân Pháp rất lúng túng. Khi cuộc khởi nghĩa Hương Khê kết thúc (22/8/1896) cũng là lúc chấm dứt luôn phong trào Cần Vương.

2. Vua Hàm Nghi sinh ngày 7 tháng 6 năm Tân Mùi (3-8-1871), là con thứ năm của Kiên Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Cai (Hoàng tử thứ 26 của vua Thiệu Trị). Anh ruột của vua Hàm Nghi là Nguyễn Phúc Ưng Kỳ, tức vua Đồng Khánh (9/1885-1/1889) và Nguyễn Phúc Ưng Đăng, tức vua Kiến Phúc (12/1883- 7/1884). Lúc chưa lên ngôi, vua Hàm Nghi có tên húy là Nguyễn Phúc Ưng Lịch. Tuổi thơ của Ưng Lịch gắn liền với làng quê xứ Huế. Từ một cậu bé trong hoàng tộc nhưng quen sống đời dân dã ngoài kinh thành, Ưng Lịch được phái chủ chiến trong triều đình Huế đưa lên ngôi vua.

Hàm Nghi lên ngôi vua vào lúc nhân dân khắp nơi đang nung nấu ý chí quyết chiến chống thực dân và bè lũ tay sai. Làm vua ở độ tuổi 13, do tuổi còn nhỏ, Hàm Nghi chưa ý thức được đầy đủ về thù nhà, nợ nước, cũng như chưa hiểu hết được vai trò của một vị hoàng đế trong bối cảnh đất nước bị ngoại bang xâm lược. Nhưng cuộc tấn công của quân đội triều Nguyễn vào đồn Mang Cá và Tòa Khâm sứ đã đưa Hàm Nghi bước vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Chúng ta hãy xem một đoạn đối thoại giữa vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, khi Tôn Thất Thuyết yêu cầu vua lên kiệu cùng đoàn xa giá chạy ra Tân Sở, vua Hàm Nghi sững sốt: “Ta có đánh nhau với ai đâu mà phải chạy?”

Sau mấy ngày đi đường, ngày 9 tháng 7 thì đoàn xa giá đến thành Tân Sở. Hàm Nghi cả ngày dăm chiêu buồn rầu, sau 3 ngày ở Tân Sở, nhà vua đòi Tôn Thất Thuyết cho người đưa về Huế. Tôn Thất Thuyết nghiêm mặt nói:

- Bệ hạ muốn về Huế thì sẽ cho người đưa Ngài về, nhưng...

- Nhưng thế nào? Hàm Nghi mỉm cười hỏi.

- Nhưng... xin Ngài để cái đầu ở lại đây đã.

Từ đây nhà vua trở nên bình tĩnh, biết suy nghĩ, và hai hôm sau, khi Tôn Thất Thuyết xin phê chuẩn tờ chiếu kể tội giặc Pháp và kêu gọi nhân dân nổi dậy Cần Vương, Hàm Nghi đọc 2 lần rồi mới phê chuẩn. Khi phê chuẩn xong, còn nói:

- Bây giờ trăm mối hiểm vì sao khanh không muốn trăm về Huế còn bị giặc Pháp chiếm đóng.

- Vậy cuộc kháng chiến đòi hỏi phải đi vào sống trong rừng sâu, ngài có đi không?

- Đi đâu cũng đi, sống thế nào cũng được, miễn là đuổi cho được giặc Pháp ra khỏi đất nước” (theo sách Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn của Phạm Khắc Hòe).

Từ đây, hoàng tộc đã mất một thành viên, còn phong trào Cần Vương đã có một lãnh tụ ưu tú. Vua Hàm Nghi trưởng thành lên từng ngày, đã xác định được sứ mệnh của một ông vua khi Tổ quốc bị xâm lăng, ông quyết tâm từ bỏ cuộc sống đế vương, từ chối trở về nơi lầu son gác tía, quyết tâm dẫn thân vào con đường cứu dân cứu nước. Đối với ông, lúc này Tổ quốc là trên hết, dân tộc là trên hết. Mục đích của ông lúc này là cùng sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước, buộc bọn thực dân Pháp rút khỏi đất nước ta, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, như cha ông đã làm với bọn giặc phương bắc trước đây. Suốt gần 4 năm lãnh đạo phong trào Cần Vương, Pháp đã tìm mọi cách thuyết phục Hàm Nghi cộng tác; ba bà thái hậu và vua Đồng Khánh liên tục gửi thư kêu gọi Hàm Nghi về Huế nhưng nhà vua thẳng thừng từ chối. Toàn quyền Paulbert cũng từng mặc cả lập Hàm Nghi làm vua 4 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình để vua chấp nhận trở về nhưng cũng không thành. Không thể thỏa hiệp và đầu hàng, theo ông, chỉ có con đường chiến đấu đến cùng để cứu nước. Suốt những năm tháng ấy là thời gian rèn luyện, thử thách và trưởng thành trong đấu tranh cách mạng. Đến khi bị bắt, nhà vua vẫn không đầu hàng. Rõ ràng vinh hoa phú quý và sự nhọc nhằn gian khổ không làm lay chuyển được ý chí của nhà vua trẻ tuổi đã giác ngộ, quyết tâm dẫn thân vào con đường đuổi cho được giặc Pháp ra khỏi đất nước. Gần 4 năm liên tục bị giặc Pháp săn đuổi khắp rừng sâu núi hiểm, ở lều tranh vách nứa, ngủ chông tre không chiếu, không chăn, ăn thì nước mắm, cá khô, rau rừng, lại còn thường xuyên bị ỉn trùng sốt rét dày vò, vẫn không lay chuyển được ý chí của ông quyết tâm chống Pháp,



Vua Hàm Nghi tại nhà riêng ở Algérie năm 1935

Ảnh: T.L

nó lại làm cho ông càng ý thức sâu sắc hơn về sứ mệnh lịch sử của mình.

Thời gian sống cùng nhân dân lao động ngoài hoàng cung lúc còn nhỏ là hành trang quý báu giúp ông bước vào những năm tháng đầy thử thách đang đến với bản thân ông và đất nước ông. Đối với ông, ngày ra đi là ngày mở đầu cho một giai đoạn mới của cuộc đời, đó là giai đoạn rèn luyện và trưởng thành.

Ở đất nước Algérie xa lạ, Hàm Nghi vẫn giữ nguyên nếp sống thanh bạch cổ truyền Việt Nam, vẫn đội khăn lượt, mặc áo dài, để tóc búi. Người địa phương gọi ông là ông hoàng An Nam. Thời gian đầu ở Algérie, Hàm Nghi nhất định không chịu học và nói tiếng Pháp, mọi việc giao tiếp đều qua phiên dịch. Về sau, nhận thấy người Pháp ở Algérie thân thiện, khác với người Pháp ở Việt Nam và để có thể tiếp xúc được với các tầng lớp nhân dân và tiếp thu được văn hóa Pháp qua sách báo, Hàm Nghi đã nỗ lực và kiên trì học tiếng Pháp, nghiên cứu âm nhạc và hội họa. Ông đã sáng tác được nhiều tác phẩm nghệ thuật có giá trị, ông xây dựng lò sản xuất đồ gốm theo

nghệ thuật thủ công nước nhà. Ông là một nghệ sĩ có tài, hiểu sâu sắc về văn chương và mỹ thuật Pháp. Năm 1904, Hàm Nghi kết hôn với bà Marcelle Laloe và sinh hạ được 3 người con, 2 gái, 1 trai. Năm 1927, công chúa Như Mai đỗ thạc sĩ nông lâm, là người phụ nữ Việt Nam đầu tiên đạt học vị thạc sĩ ở châu Âu. Vâng lời cha, các con vua Hàm Nghi suốt đời mặc y phục theo truyền thống Việt Nam.

Hội họa, âm nhạc và một gia đình nhỏ đã giúp Hàm Nghi khuây khỏa phần nào nỗi đau của người dân mất nước, của một ông vua bị đi đày. Ngày 14/1/1944, Hàm Nghi trút hơi thở cuối cùng tại Algérie vì căn bệnh ung thư dạ dày, mang theo nỗi buồn mất nước và vẫn chưa thấy được ngày độc lập của dân tộc.

Những trang đời của ông chứa nhiều giông bão. Ngay từ thuở thiếu thời ông đã chứng kiến nhiều biến động của lịch sử dân tộc. Dù cuối cùng Hàm Nghi bị bắt, nghiệp lớn cứu nước chưa thành, nhưng phong trào Cần Vương đã gây cho Pháp nhiều lúng túng và tổn thất nặng nề, buộc thực dân Pháp phải mất thêm 10 năm lao đao mới “bình định” xong nước ta và bắt tay khai thác kinh tế. Phong trào Cần Vương đã để lại cho lịch sử dân tộc nhiều bài học kinh nghiệm chiến đấu và những tấm gương dũng cảm hi sinh vì dân vì nước.

Lịch sử dân tộc Việt Nam không có một vị hoàng đế nào phải nếm trải nhiều gian khổ nhưng anh dũng như vua Hàm Nghi. Vì vậy mà tên tuổi vua Hàm Nghi đã chiếm một phần và gắn chặt với lịch sử dân tộc. Ông đã lấy danh dự của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân và phẩm giá con người làm lẽ sống. Dũng khí của ông ở tầm rất cao. Đó là sự xả thân vì đại nghĩa, dù thịt nát xương tan cũng không từ nan. Đó là tinh thần không khuất phục trước bất cứ uy lực nào, không gian khổ, khó khăn nào bẻ gãy được ý chí kiên định trước sau như một của ông. Danh vọng, tiền tài không mua chuộc được ông. Tấm lòng son ấy đã đi với ông trọn hết cuộc đời. Ông đã làm tròn trách nhiệm người chiến sĩ yêu nước. Hậu thế sẽ ngày càng thấy công lao to lớn của ông đối với đất nước trong một giai đoạn lịch sử có nhiều biến động. Dân tộc Việt Nam tự hào về ông vua yêu nước Hàm Nghi, đó là một định mệnh lịch sử ■

V.T.V